TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
HUYỆN N H	Độc lập – Tự do – H phúc
TỈNH QUẢNG NGÃI	

Bản án số: 07/2023/HS-ST

Ngày 25/12/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N H, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phươngần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phươngán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Diếu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Văn Lâm

Ông Từ Văn Khánh

Thư ký phiên tòa: Ông Trần T Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N H.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N H tham gia phiên tòa:*** Bà Bùi Thị H Ngọc - Kiểm sát viên.

Trong các ngày từ 19 đến 25 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 02/2023/TLST-HS, ngày 10/10/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST-HS, ngày 08-11/2023, và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2023/QĐST-HS, ngày 23/11/2023 đối với bị cáo:

Võ T Y (tên gọi khác: không có), sinh ngày 25/11/1970, tại huyện B S, tỉnh Quảng Ngãi;Nơi ĐKHKTT: Phường H T, thành phố P, tỉnh Gia Lai;Chỗ ở hiện nay: Thôn X V, xã H Đ, huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; Q tịch: Việt Nam; con ông Võ Q T(đã chết) và bà Trần T Đ(đã chết); CH: Ngô T Đ, sinh năm 1971, đã ly hôn; có 02 người con, con nhỏ sinh năm 1995, con lớn sinh năm 1991. tiền án: không; tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 01/02/2023 Võ T Y bị Uỷ Bn nhân dân xã H Đ ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 13/QĐ-XPHƯƠNGC về hành vi buôn bán thuốc lá điếu nhập lậu, hình thức phạt tiền 2.000.000 đồng, Y thi hành xong vào ngày 14/02/2023.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/10/2023 cho đến nay. Bị cáo mặt tại phiên tòa.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:***

1. Bà Lê T B, sinh năm 1973.

Trú tại: Thôn X V, xã H Đ, huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bà Lê Thị K T, sinh năm 1970.

Trú tại: Thôn X V, xã H Đ, huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Bà Nguyễn Thị K C, sinh năm 1968.

Trú tại: Tổ dân phố Phú V T, thị trấn C C, huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1975.

Trú tại: Tổ dân phố Phú V T, thị trấn C C, huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Ông Trần Quang D, sinh năm 1981.

Trú tại: Tổ dân phố Phú V T, thị trấn C C, huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Bà Ngô Thị H H, sinh năm 1985.

Trú tại: Thôn Đ A, xã H P, huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi.

7. Bà Phạm Thị B, sinh năm 1969.

Trú tại: Thôn Kỳ T N1, xã H Đ, huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi.

8. Chị Tăng H N, sinh năm 2001.

Trú tại: Tổ dân phố Phú V T, thị trấn C C, huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi.

9. Bà Lê Thị L, sinh năm 1962.

Trú tại: Thôn X V, xã H Đ, huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi.

10. Bà Huỳnh Thị K L, sinh năm 1979.

Trú tại: Thôn Đại A Đ1, xã H T, huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi.

11. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1958.

Trú tại: Thôn Hiệp P N, xã HT, huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi.

12. Bà Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1978.

Trú tại: Tổ dân phố Phú V Đ, thị trấn C C, huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi.

13.Bà Nguyễn Thị T B, sinh năm 1970.

Trú tại: Tổ dân phố Phú V Đ, thị trấn C C, huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi.

14. Bà Lê Thị Minh H, sinh năm 1979.

Trú tại: Thôn X V, xã H Đ, huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi.

15. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1969.

Trú tại: Tổ dân phố Phú V T, thị trấn C C, huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi.

16. Ông Nguyễn Tấn H, sinh năm 1981.

Trú tại: Thôn X V, xã H Đ, huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi.

Tất cả những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo lời khai của **Võ T Y**(Tên gọi khác không có), sinh ngày 25/11/1970. Trú tại: Thôn X V, xã H Đ, huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi. Do trước đây làm nghề buôn bán rau ở chợ nên quen biết một số người và biết họ có nhu cầu vay tiền và thấy việc làm ăn có lãi và nhẹ nhàng chỉ cho người ta vay tiền rồi người vay tự đến trả lãi tại nhà cho Y. Nên từ tháng 6/2022 đến ngày 03/01/2023 với mục đích cho vay để thu lợi, Y đã cho Nhiều người vay, lãi suất thỏa thuận từ 104,29%/năm đến 3650%/năm, gấp từ 5,21 đến 182,5 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự (20%/ năm) cho 14 người với tổng số tiền cho vay là **629.500.000 đồng** (sáu trăm hai mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng), thu lợi bất chính **97.379.910 đồng** (Chín mươi bảy triệu Ba năm bảy mươi chín nghìn chín trăm mười đồng).

Cụ thể:

1. Bà Lê T B (Sinh năm 1973, trú tại: Thôn X V, xã H Đ, huyện N H) được ký hiệu là "T G g", "T" trong cuốn sổ có bìa màu cam, "T dân chơi" trong cuốn vở học sinh thỏa thuận vay 10 lần, cụ thể:

+ Lần 1: Ngày 18/9/2022, bà B vay số tiền 10.000.000 đồng, số tiền lãi 2.000.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 18 ngày, như vậy lãi suất vay 405,56%/ năm. Bà B đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 12.000.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 10.000.000 đồng, nợ lãi 2.000.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 98.630 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 1.901.370 đồng.

+ Lần 2: Ngày 20/9/2022, bà B vay số tiền 10.000.000 đồng, số tiền lãi 2.000.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong vòng 24 ngày, như vậy lãi suất vay 304,17%/năm. Bà B đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 12.000.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 10.000.000 đồng, nợ lãi 2.000.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 131.507 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 1.868.493 đồng.

+ Lần 3: Ngày 06/10/2022, bà B vay số tiền 15.000.000 đồng, số tiền lãi 3.000.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong vòng 13 ngày, như vậy lãi suất vay 561,54%/năm. Bà B đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 18.000.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 15.000.000 đồng, nợ lãi 3.000.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 106.849 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 2.893.151 đồng.

+ Lần 4: Ngày 17/10/2022, bà B vay số tiền 10.000.000 đồng, số tiền lãi 2.000.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong vòng 14 ngày, như vậy lãi suất vay 521,43%/năm. Bà B đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 12.000.000 đồng, trong đó có nợ gốc là

10.000.000 đồng, nợ lãi 2.000.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 76.712 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 1.923.288 đồng.

+ Lần 5: Ngày 21/10/2022, bà B vay số tiền 15.000.000 đồng, số tiền lãi 3.000.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong vòng 09 ngày, như vậy lãi suất vay 811,11%/năm. Bà B đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 18.000.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 15.000.000 đồng, nợ lãi 3.000.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 73.973 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 2.926.027 đồng.

+ Lần 6: Ngày 29/10/2022, bà B vay số tiền 5.000.000 đồng, số tiền lãi 1.000.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong vòng 23 ngày, như vậy lãi suất vay 317,39%/năm. Bà B đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 6.000.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 5.000.000 đồng, nợ lãi 1.000.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 63.014 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 936.986 đồng.

+ Lần 7: Ngày 02/11/2022, bà B vay số tiền 10.000.000 đồng, số tiền lãi 2.000.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong vòng 19 ngày, như vậy lãi suất vay 384,21%/năm. Bà B đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 12.000.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 10.000.000 đồng, nợ lãi 2.000.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 104.110 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 1.895.890 đồng.

+ Lần 8: Ngày 22/11/2022, bà B vay số tiền 15.000.000 đồng, số tiền lãi 3.000.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong vòng 25 ngày, như vậy lãi suất vay 292%/năm. Bà B đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 18.000.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 15.000.000 đồng, nợ lãi 3.000.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 205.479 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 2.794.521 đồng.

+ Lần 9: Ngày 08/12/2022, bà B vay số tiền 2.500.000 đồng, số tiền lãi 500.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong vòng 25 ngày, như vậy lãi suất vay 292%/ năm. Bà B đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 3.000.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 2.500.000 đồng, nợ lãi 500.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 34.247 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 465.753 đồng.

+ Lần 10: Ngày 17/12/2022, bà B vay số tiền 15.000.000 đồng, trả góp 600.000 đồng/ngày trong 30 ngày, như vậy lãi suất vay là 243,33%/năm. Đến ngày 01/01/2023 bà B trả được 14 ngày với tổng số tiền 8.400.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 7.000.000 đồng, nợ lãi 1.400.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 115.068 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 1.284.932 đồng.

Đến nay số tiền gốc còn lại 8.000.000 đồng bà B chưa trả cho Y.

Võ T Y cho bà B vay với tổng số tiền vay 107.500.000 đồng, thu lợi bất chính **18.890.411** đồng.

2. Bà Lê Thị K T (Sinh năm 1970, trú tại: Thôn X V, xã H Đ, huyện N H) được ký hiệu là "T" trong cuốn sổ có bìa màu cam thỏa thuận vay 9 lần, cụ thể:

+ Lần 1: Ngày 08/10/2022, bà T vay số tiền 3.000.000 đồng, số tiền lãi 600.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 08 ngày, như vậy lãi suất vay 912,5%/năm. Bà T đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 3.600.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 3.000.000 đồng, nợ lãi 600.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 13.151 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 586.849 đồng.

+ Lần 2: Ngày 16/10/2022, bà T vay số tiền 5.000.000 đồng, số tiền lãi 1.000.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 14 ngày, như vậy lãi suất vay 521,43%/ năm. Bà T đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 6.000.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 5.000.000 đồng, nợ lãi 1.000.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 38.356 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 961.644 đồng.

+ Lần 3: Ngày 30/10/2022, bà T vay số tiền 5.000.000 đồng, số tiền lãi 1.000.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 15 ngày, như vậy lãi suất vay 486,67%/ năm. Bà T đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 6.000.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 5.000.000 đồng, nợ lãi 1.000.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 41.096 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 958.904 đồng.

+ Lần 4: Ngày 14/11/2022, bà T vay số tiền 5.000.000 đồng, số tiền lãi 1.000.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 15 ngày, như vậy lãi suất vay 486,67%/ năm. Bà T đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 6.000.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 5.000.000 đồng, nợ lãi 1.000.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 41.096 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 958.904 đồng.

+ Lần 5: Ngày 01/12/2022, bà T vay số tiền 5.000.000 đồng, số tiền lãi 1.000.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 12 ngày, như vậy lãi suất vay 608,33%/ năm. Bà T đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 6.000.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 5.000.000 đồng, nợ lãi 1.000.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 32.877 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 967.123 đồng.

+ Lần 6: Ngày 12/12/2022, bà T vay số tiền 5.000.000 đồng, số tiền lãi 900.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 4 ngày, như vậy lãi suất vay 1642,5%/năm. Bà T đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 5.900.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 5.000.000 đồng, nợ lãi 900.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 10.959 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 889.041 đồng.

+ Lần 7: Ngày 13/12/2022, bà T vay số tiền 10.000.000 đồng, số tiền lãi 2.000.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 15 ngày, như vậy lãi suất vay 486,67%/năm. Bà T đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 12.000.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 10.000.000

đồng, nợ lãi 2.000.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 82.192 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 1.917.808 đồng.

+ Lần 8: Ngày 17/12/2022, bà T vay số tiền 5.000.000 đồng, trả góp 200.000 đồng/ngày trong 30 ngày như vậy lãi suất vay 243,33%/năm. Đến ngày 03/01/2023 bà T trả được 18 ngày với tổng số tiền 3.600.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 3.000.000 đồng, nợ lãi 600.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 49.315 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 550 .685 đồng.

Đến nay số tiền gốc còn lại 2.000.000 đồng bà T đã thanh toán cho Y.

+ Lần 9: Ngày 28/12/2022, bà T vay số tiền 10.000.000 đồng, trả góp 500.000 đồng/ngày trong 24 ngày, như vậy lãi suất vay là 304,17%/năm. Đến ngày 03/01/2023 bà T trả được 7 ngày với tổng số tiền 3.500.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 2.916.667 đồng, nợ lãi 583.333 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 38.356 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 544.977 đồng.

Đến nay số tiền gốc còn lại 7.083.333 đồng bà T đã thanh toán cho Y.

Võ T Y cho bà T vay với tổng số tiền vay 53.000.000 đồng, thu lợi bất chính 8.335.936 đồng.

3. Bà Nguyễn Thị K C (Sinh năm 1968, trú tại: TDP Phú V T, thị trấn C C, huyện N H) được ký hiệu là "CH" trong cuốn sổ có bìa màu cam thỏa thuận vay 20 lần, cụ thể:

+ Lần 1: Ngày 06/6/2022, bà C vay số tiền 5.000.000 đồng, số tiền lãi 1.000.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 18 ngày, như vậy lãi suất vay 405,56%/ năm. Bà C đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 6.000.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 5.000.000 đồng, nợ lãi 1.000.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 49.315 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 950.685 đồng.

+ Lần 2: Ngày 23/6/2022, bà C vay số tiền 5.000.000 đồng, số tiền lãi 1.000.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 20 ngày, như vậy lãi suất vay 365%/năm. Bà C đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 6.000.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 5.000.000 đồng, nợ lãi 1.000.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 54.795 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 945.205 đồng.

+ Lần 3: Ngày 12/7/2022, bà C vay số tiền 5.000.000 đồng, số tiền lãi 1.000.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 19 ngày, như vậy lãi suất vay 384,21%/ năm. Bà C đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 6.000.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 5.000.000 đồng, nợ lãi 1000.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 52.055 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 947.945 đồng.

+ Lần 4: Ngày 31/7/2022, bà C vay số tiền 5.000.000 đồng, số tiền lãi 1.000.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 16 ngày, như vậy lãi suất vay 456,25%/ năm. Bà C đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 6.000.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 5.000.000 đồng, nợ lãi 1.000.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 43.836 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 956.164 đồng.

+ Lần 5: Ngày 17/8/2022, bà C vay số tiền 5.000.000 đồng, số tiền lãi 1.000.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 30 ngày, như vậy lãi suất vay 243,33%/ năm. Bà C đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 6.000.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 5.000.000 đồng, nợ lãi 1.000.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 82.192 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 917.808 đồng.

+ Lần 6: Ngày 19/9/2022, bà C vay số tiền 5.000.000 đồng, số tiền lãi 1.000.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 14 ngày, như vậy lãi suất vay 521,43%/ năm. Bà C đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 6.000.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 5.000.000 đồng, nợ lãi 1.000.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 38.356 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 961.644 đồng.

+ Lần 7: Ngày 04/10/2022, bà C vay số tiền 5.000.000 đồng, số tiền lãi 1.000.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 15 ngày, như vậy lãi suất vay 486,67%/ năm. Bà C đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 6.000.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 5.000.000 đồng, nợ lãi 1.000.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 41.096 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 958.904 đồng.

+ Lần 8: Ngày 18/10/2022, bà C vay số tiền 7.500.000 đồng, số tiền lãi 1.500.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 13 ngày, như vậy lãi suất vay 561,54%/ năm. Bà C đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 9.000.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 7.500.000 đồng, nợ lãi 1.500.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 53.425 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 1.446.575 đồng.

+ Lần 9: Ngày 01/11/2022, bà C vay số tiền 5.000.000 đồng, số tiền lãi 1.000.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 06 ngày, như vậy lãi suất vay 1216,67%/ năm. Bà C đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 6.000.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 5.000.000 đồng, nợ lãi 1.000.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 16.438 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 983.562 đồng.

+ Lần 10: Ngày 01/11/2022, bà C vay số tiền 7.500.000 đồng, số tiền lãi 1.500.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 15 ngày, như vậy lãi suất vay 486,67%/ năm. Bà C đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 9.000.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 7.500.000 đồng, nợ lãi 1.500.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 61.644 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 1.438.356 đồng.

+ Lần 11: Ngày 08/11/2022, bà C vay số tiền 5.000.000 đồng, số tiền lãi 1.000.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 15 ngày, như vậy lãi suất vay 486,67%/ năm. Bà C đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 6.000.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 5.000.000 đồng, nợ lãi 1.000.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 41.096 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 958.904 đồng.

+ Lần 12: Ngày 15/11/2022, bà C vay số tiền 7.500.000 đồng, số tiền lãi 1.500.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 13 ngày, như vậy lãi suất vay 561,54%/ năm. Bà C đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 9.000.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 7.500.000 đồng, nợ lãi 1.500.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 53.425 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 1.446.575 đồng.

+ Lần 13: Ngày 22/11/2022, bà C vay số tiền 5.000.000 đồng, số tiền lãi 1.000.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 10 ngày, như vậy lãi suất vay 730%/năm. Bà C đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 6.000.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 5.000.000 đồng, nợ lãi 1.000.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 27.397 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 972.603 đồng.

+ Lần 14: Ngày 29/11/2022, bà C vay số tiền 7.500.000 đồng, số tiền lãi 1.500.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 10 ngày, như vậy lãi suất vay 730%/năm. Bà C đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 9.000.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 7.500.000 đồng, nợ lãi 1.500.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 41.096 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 1.458.904 đồng.

+ Lần 15: Ngày 06/12/2022, bà C vay số tiền 5.000.000 đồng, số tiền lãi 1.000.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 10 ngày, như vậy lãi suất vay 730%/năm. Bà C đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 6.000.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 5.000.000 đồng, nợ lãi 1.000.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 27.397 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 972.603 đồng.

+ Lần 16: Ngày 10/12/2022, bà C vay số tiền 12.000.000 đồng, số tiền lãi 3.000.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 12 ngày, như vậy lãi suất vay 760,42%/năm. Bà C đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 15.000.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 12.000.000 đồng, nợ lãi 3.000.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 78.904 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 2.921.096 đồng.

+ Lần 17: Ngày 16/12/2022, bà C vay số tiền 5.000.000 đồng, số tiền lãi 1.000.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 14 ngày, như vậy lãi suất vay 521,43%/ năm. Bà C đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 6.000.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 5.000.000 đồng, nợ lãi 1.000.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 38.356 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 961.644 đồng.

+ Lần 18: Ngày 23/12/2022, bà C vay số tiền 12.000.000 đồng, số tiền lãi 3.000.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 11 ngày, như vậy lãi suất vay 829,55%/ năm. Bà C đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 15.000.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 12.000.000 đồng, nợ lãi 3.000.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 72.329 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 2.927.671 đồng.

+ Lần 19: Ngày 27/12/2022, bà C vay số tiền 5.000.000 đồng, số tiền lãi 1.000.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 8 ngày, như vậy lãi suất vay 912,5%/ năm. Bà C đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 6.000.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 5.000.000 đồng, nợ lãi 1.000.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 21.918 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 978.082 đồng.

+ Lần 20: Ngày 30/12/2022, bà C vay số tiền 7.500.000 đồng, trả góp 300.000 đồng/ngày trong 30 ngày, như vậy lãi suất vay 243,33%/năm. Đến ngày 03/01/2023 bà C trả được 05 ngày với tổng số tiền 1.500.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 1.250.000 đồng, nợ lãi 250.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 20.548 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 229.452 đồng. Đến nay số tiền gốc còn lại 6.250.000 đồng bà C đã thanh toán cho Y.

Võ T Y cho bà C vay với tổng số tiền vay 126.500.000 đồng, thu lợi bất chính 24.334.384 đồng.

4. Bà Nguyễn Thị M (Sinh năm 1975, trú tại: TDP Phú V T, thị trấn C C, huyện N H) được ký hiệu là "M B T"trong cuốn sổ có bìa màu cam, "B T" trong cuốn vở học sinh thỏa thuận vay 11 lần, cụ thể:

+ Lần 1: Ngày 30/9/2022, bà M vay số tiền 2.500.000 đồng, số tiền lãi 500.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 18 ngày, như vậy lãi suất vay 405,56%/ năm. Bà M đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 3.000.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 2.500.000 đồng, nợ lãi 500.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 24.658 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 475.342 đồng.

+ Lần 2: Ngày 18/10/2022, bà M vay số tiền 2.500.000 đồng, số tiền lãi 500.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 16 ngày, như vậy lãi suất vay 456,25%/ năm. Bà M đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 3.000.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 2.500.000 đồng, nợ lãi 500.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 21.918 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 478.082 đồng.

+ Lần 3: Ngày 04/11/2022, bà M vay số tiền 2.500.000 đồng, số tiền lãi 500.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 07 ngày, như vậy lãi suất vay 1042,86%/ năm. Bà M đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 3.000.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 2.500.000 đồng, nợ lãi 500.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 9.589 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 490.411 đồng.

+ Lần 4: Ngày 11/11/2022, bà M vay số tiền 16.000.000 đồng, số tiền lãi 4.200.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 42 ngày, như vậy lãi suất vay 228,13%/ năm. Bà M đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 20.200.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 16.000.000 đồng, nợ lãi 4.200.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 368.219 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 3.831.781 đồng.

+ Lần 5: Ngày 17/11/2022, bà M vay số tiền 2.500.000 đồng, số tiền lãi 500.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 11 ngày, như vậy lãi suất vay 663,64%/ năm. Bà M đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 3.000.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 2.500.000 đồng, nợ lãi 500.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 15.068 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 484.932 đồng.

+ Lần 6: Ngày 21/11/2022, bà M vay số tiền 4.000.000 đồng, số tiền lãi 1.950.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 39 ngày, như vậy lãi suất vay 456,25%/ năm. Bà M đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 5.950.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 4.000.000 đồng, nợ lãi 1.950.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 85.479 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 1.864.521 đồng.

+ Lần 7: Ngày 29/11/2022, bà M vay số tiền 3.000.000 đồng, số tiền lãi 1.500.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 12 ngày, như vậy lãi suất vay 1520,83%/ năm. Bà M đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 4.500.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 3.000.000 đồng, nợ lãi 1.500.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 19.726 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 1.480.274 đồng.

+ Lần 8: Ngày 07/12/2022, bà M vay số tiền 1.250.000 đồng, số tiền lãi 250.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 16 ngày, như vậy lãi suất vay 456,25%/ năm. Bà M đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 1.500.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 1.250.000 đồng, nợ lãi 250.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 10.959 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 239.041 đồng.

+ Lần 9: Ngày 11/12/2022, bà M vay số tiền 3.000.000 đồng, số tiền lãi 1.500.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 15 ngày, như vậy lãi suất vay 1216,67%/ năm. Bà M đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 4.500.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 3.000.000 đồng, nợ lãi 1.500.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 24.658 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 1.475.342 đồng.

+ Lần 10: Ngày 15/12/2022, bà M vay số tiền 3.200.000 đồng, số tiền lãi 600.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 18 ngày, như vậy lãi suất vay 380,21%/ năm. Bà M đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 3.800.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 3.200.000 đồng, nợ lãi 600.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 31.562 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 568.438 đồng.

+ Lần 11: Ngày 26/12/2022, bà M vay số tiền 5.000.000 đồng, trả góp 200.000đồng/ngày trong 30 ngày, như vậy lãi suất vay là 243,33%/năm. Đến ngày 02/01/2023 bà M trả được 08 ngày với tổng số tiền 1.600.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 1.333.333 đồng, nợ lãi 266.667 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 21.918 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 244.082 đồng. Đến nay số tiền gốc còn lại 3.666.667 đồng bà M đã thanh toán cho Y.

Võ T Y cho bà M vay với tổng số tiền vay 45.450.000 đồng, thu lợi bất chính 11.632.913 đồng.

5. Ông Trần Quang D (Sinh năm 1981, trú tại: TDP Phú V T, thị trấn C C, huyện N H) được ký hiệu là "D" trong cuốn sổ có bìa màu cam, thỏa thuận vay 02 lần, cụ thể:

+ Lần 01: Ngày 05/12/2022, Ông D vay số tiền 40.000.000 đồng, số tiền lãi 2.400.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 19 ngày, như vậy lãi suất vay 115,26%/năm. Ông D đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 42.400.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 40.000.000 đồng, nợ lãi 2.400.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 416.438 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 1.983.562 đồng.

+ Lần 02: Ngày 25/12/2022, Ông D vay số tiền 40.000.000 đồng, trả góp trong vòng 21 ngày, mỗi ngày 2.000.000 đồng, ngày thứ 21 sẽ trả 2.400.000 đồng, như vậy lãi suất vay 104,29%/năm. Đến ngày 03/01/2023 Ông D trả được 10 ngày với tổng số tiền 20.000.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 18.857.143 đồng, nợ lãi 1.142.857 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 219.178 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 923.679 đồng. Đến nay số tiền gốc còn lại 21.142.857 đồng Ông D đã thanh toán cho Y.

Võ T Y cho ông D vay với tổng số tiền vay 80.000.000 đồng, thu lợi bất chính 2.907.241 đồng.

6. Bà Ngô Thị H H (Sinh năm 1985, trú tại: Thôn Đ A, xã H P, huyện N H) được ký hiệu là "H b" trong cuốn sổ có bìa màu cam, thỏa thuận vay 07 lần, cụ thể:

Lần 01: Ngày 31/8/2022, bà H vay số tiền 3.000.000 đồng, số tiền lãi 600.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 30 ngày, như vậy lãi suất vay 243,33%/ năm. Bà H đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 3.600.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 3.000.000 đồng, nợ lãi 600.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 49.315 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 550.685 đồng.

Lần 02: Ngày 24/9/2022, bà H vay số tiền 1.000.000 đồng, số tiền lãi 100.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 13 ngày, như vậy lãi suất vay 280,77%/ năm. Bà H đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 1.100.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 1.000.000 đồng, nợ lãi 100.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 7.123 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 92.877 đồng.

Lần 03: Ngày 29/9/2022, bà H vay số tiền 3.000.000 đồng, số tiền lãi 160.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 08 ngày, như vậy lãi suất vay 243,33%/ năm. Bà H đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 3.160.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 3.000.000 đồng, nợ lãi 160.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 13.151 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 146.849 đồng.

Lần 04: Ngày 07/10/2022, bà H vay số tiền 5.000.000 đồng, số tiền lãi 1.000.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 30 ngày, như vậy lãi suất vay 243,33%/ năm. Bà H đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 6.000.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 5.000.000 đồng, nợ lãi 1.000.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 82.192 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 917.808 đồng.

Lần 05: Ngày 07/11/2022, bà H vay số tiền 5.000.000 đồng, số tiền lãi 1.000.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 02 ngày, như vậy lãi suất vay 3650%/ năm. Bà H đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 6.000.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 5.000.000 đồng, nợ lãi 1.000.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 5.479 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 994.521 đồng.

Lần 06: Ngày 11/11/2022, bà H vay số tiền 3.000.000 đồng, số tiền lãi 600.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 28 ngày, như vậy lãi suất vay 260,71%/ năm. Bà H đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 3.600.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 3.000.000 đồng, nợ lãi 600.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 46.027 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 553.973 đồng.

+ Lần 07: Ngày 12/12/2022, bà H vay số tiền 5.000.000 đồng, trả góp 200.000 đồng/ngày trong 30 ngày, như vậy lãi suất vay 243,33%/năm. Đến ngày 03/01/2023 bà H trả được 23 ngày với tổng số tiền 4.600.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 3.833.333 đồng, nợ lãi 766.667 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 63.014 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 703.652 đồng. Đến nay số tiền gốc còn lại 1.166.667 đồng bà H đã thanh toán cho Y.

Võ T Y cho bà H vay với tổng số tiền vay 25.000.000 đồng, thu lợi bất chính 3.960.365 đồng.

7. Bà Phạm Thị B (Sinh năm 1969, trú tại: Thôn Kỳ T N1, xã H Đ, huyện N H) được ký hiệu là "B" trong cuốn sổ có bìa màu cam, thỏa thuận vay 03 lần, cụ thể:

Lần 01: Ngày 12/8/2022 bà B vay 10.800.000 đồng quy ra đóng chân 5.000.000 đồng, số tiền lãi 1.000.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong vòng 30 ngày, như vậy lãi suất vay 243,33%/ năm. Bà B đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 6.000.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 5.000.000 đồng, nợ lãi 1.000.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 82.192 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 917.808 đồng.

Lần 02: Số tiền gốc còn lại của lần vay 01 là 5.800.000 đồng, đến ngày 15/9/2022 Y tính lãi 20% trên tháng là 1.160.000 đồng, bà B vay thêm Y 1.000.000 đồng và nợ 01 ngày lãi là 100.000 đồng, tổng cộng đến ngày 12/10/2022 bà B nợ Y là 8.060.000 đồng; ngày 12/10/2022 Y quy ra cho bà B đóng chân ngày 5.000.000 đồng trả trong vòng 30 ngày mỗi ngày 200.000 đồng, như vậy lãi suất vay 243,33%/năm. Bà B đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 6.000.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 5.000.000 đồng, nợ lãi 1.000.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 82.192 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 917.808 đồng.

Lần 03: Số tiền gốc còn lại của lần 2 là 3.060.000 đồng, ngày 24/11/2022 bà B vay của Y 1.940.000 đồng, tổng cộng số tiền B vay 5.000.000 đồng, trả góp 200.000 đồng/ngày trong 30 ngày, như vậy lãi suất vay 243,33%/năm. Bà B đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 6.000.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 5.000.000 đồng, nợ lãi 1.000.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 82.192 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 917.808 đồng.

Võ T Y cho bà B vay với tổng số tiền vay 15.000.000 đồng, thu lợi bất chính 2.753.425 đồng.

8. Bà Tăng H N (Sinh năm 2001, trú tại: TDP Phú V T, thị trấn C C, huyện N H) được ký hiệu là "N con T" trong cuốn sổ có bìa màu cam, thỏa thuận vay 02 lần, cụ thể:

+ Lần 01: Ngày 11/12/2022, bà N vay số tiền 1.300.000 đồng, số tiền lãi 200.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 18 ngày, như vậy lãi suất vay 311,97%/ năm. Bà N đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 1.500.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 1.300.000 đồng, nợ lãi 200.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 12.822 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 187.178 đồng.

+ Lần 02: Ngày 29/12/2022, bà N vay số tiền 2.700.000 đồng, trả góp 100.000 đồng/ngày trong 30 ngày, như vậy lãi suất vay 135,12%/năm. Đến ngày 03/01/2023 bà N trả được 05 ngày với tổng số tiền 500.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 450.000 đồng, nợ lãi 50.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 7.397 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 42.603 đồng. Đến nay số tiền gốc còn lại 2.250.000 đồng bà N đã thanh toán cho Y.

Võ T Y cho bà N vay với tổng số tiền vay 4.000.000 đồng, thu lợi bất chính 229.781 đồng.

9. Bà Lê Thị L (Sinh năm 1962, trú tại: Thôn X V, xã H Đ, huyện N H) được ký hiệu là "L g g" trong cuốn sổ có bìa màu cam, "Cô L" trong cuốn vở học sinh thỏa thuận vay 07 lần, cụ thể:

Lần 01: Ngày 04/10/2022, bà L vay số tiền 1.000.000 đồng, số tiền lãi 100.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 13 ngày, như vậy lãi suất vay 280,77%/ năm. Bà L đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 1.100.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 1.000.000 đồng, nợ lãi 100.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 7.123 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 92.877 đồng.

Lần 02: Ngày 17/10/2022, bà L vay số tiền 1.000.000 đồng, số tiền lãi 100.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 8 ngày, như vậy lãi suất vay 456,25%/ năm. Bà L đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 1.100.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 1.000.000 đồng, nợ lãi 100.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 4.384 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 95.616 đồng.

Lần 03: Ngày 25/10/2022, bà L vay số tiền 2.500.000 đồng, số tiền lãi 500.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 21 ngày, như vậy lãi suất vay 347,62%/ năm. Bà L đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 3.000.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 2.500.000 đồng, nợ lãi 500.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 28.767 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 471.233 đồng.

Lần 04: Ngày 15/11/2022, bà L vay số tiền 1.000.000 đồng, số tiền lãi 150.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 16 ngày, như vậy lãi suất vay 342,19%/ năm. Bà L đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 1.150.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 1.000.000 đồng, nợ lãi 150.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 8.767 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 141.233 đồng.

Lần 05: Ngày 01/12/2022, bà L vay số tiền 1.000.000 đồng, số tiền lãi 150.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 15 ngày, như vậy lãi suất vay 365%/năm. Bà L đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 1.150.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 1.000.000 đồng, nợ lãi 150.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 8.219 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 141.781 đồng.

Lần 06: Ngày 16/12/2022, bà L vay số tiền 1.000.000 đồng, số tiền lãi 150.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 13 ngày, như vậy lãi suất vay 421.15%/ năm. Bà L đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 1.150.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 1.000.000 đồng, nợ lãi 150.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 7.123 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 142.877 đồng.

+ Lần 07: Ngày 29/12/2022, bà L vay số tiền 1.000.000 đồng, trả góp 50.000 đồng/ngày trong 23 ngày, như vậy lãi suất vay 238,04%/năm. Đến ngày 03/01/2023 bà L trả được 6 ngày với tổng số tiền 300.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 260.869 đồng, nợ lãi 39.131 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 3.288 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 35.843 đồng. Đến nay số tiền gốc còn lại 739.131 đồng bà L đã thanh toán cho Y.

Võ T Y cho bà L vay với tổng số tiền vay 8.500.000 đồng, thu lợi bất chính 1.121.459 đồng.

10. Bà Huỳnh Thị K L (Sinh năm 1979, trú tại: Thôn Đại A Đ1, xã H T, huyện N H) được ký hiệu là "L H T" trong cuốn sổ có bìa màu cam, thỏa thuận vay 05 lần, cụ thể:

Lần 01: Ngày 14/9/2022, bà L vay số tiền 12.500.000 đồng, số tiền lãi 2.500.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 13 ngày, như vậy lãi suất vay 561,54%/ năm. Bà L đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 15.000.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 12.500.000 đồng, nợ lãi 2.500.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 89.041 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 2.410.959 đồng.

Lần 02: Ngày 21/9/2022, bà L vay số tiền 12.500.000 đồng, số tiền lãi 2.500.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 15 ngày, như vậy lãi suất vay 486,67%/ năm. Bà L đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 15.000.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 12.500.000 đồng, nợ lãi 2.500.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 102.740 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 2.397.260 đồng.

Lần 03: Ngày 27/9/2022, bà L vay số tiền 12.500.000 đồng, số tiền lãi 2.500.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 30 ngày, như vậy lãi suất vay 243,33%/ năm. Bà L đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 15.000.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 12.500.000 đồng, nợ lãi 2.500.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 205.479 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 2.294.521 đồng.

Lần 04: Ngày 06/10/2022, bà L vay số tiền 17.500.000 đồng, số tiền lãi 3.500.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 30 ngày, như vậy lãi suất vay 243,33%/ năm. Bà L đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 21.000.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 17.500.000 đồng, nợ lãi 3.500.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 287.671 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 3.212.329 đồng.

Lần 05: Ngày 19/10/2022, bà L vay số tiền 10.000.000 đồng, số tiền lãi 2.000.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 27 ngày, như vậy lãi suất vay 270,37%/ năm. Bà L đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 12.000.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 10.000.000 đồng, nợ lãi 2.000.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 147.945 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 1.852.055 đồng.

Võ T Y cho bà L vay với tổng số tiền vay 65.000.000 đồng, thu lợi bất chính 12.167.123 đồng.

11. Bà Nguyễn Thị L (Sinh năm 1958, Trú tại: Thôn Hiệp P N, xã HT, huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi) được ký hiệu là "Bà L C", trong cuốn sổ có bìa màu cam, "L" trong cuốn vở học sinh thỏa thuận vay 03 lần, cụ thể:

Lần 01: Ngày 20/9/2022, bà L vay số tiền 10.000.000 đồng, số tiền lãi 2.000.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 30 ngày, như vậy lãi suất vay 243,33%/ năm. Bà L đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 12.000.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 10.000.000 đồng, nợ lãi 2.000.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 164.384 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 1.835.616 đồng.

Lần 02: Ngày 20/10/2022, bà L vay số tiền 5.000.000 đồng, số tiền lãi 1.000.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 26 ngày, như vậy lãi suất vay 280,77%/ năm. Bà L đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 6.000.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 5.000.000 đồng, nợ lãi 1.000.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 71.233 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 928.767 đồng.

Lần 03: Ngày 30/10/2022, bà L vay số tiền 10.000.000 đồng, số tiền lãi 500.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 10 ngày, như vậy lãi suất vay 182,5%/năm. Bà L đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 10.500.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 10.000.000 đồng, nợ lãi 500.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 54.795 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 445.205 đồng.

Võ T Y cho bà L vay với tổng số tiền vay 25.000.000 đồng, thu lợi bất chính 3.209.589 đồng.

12. Bà Trần Thị Mỹ H (Sinh năm 1978, trú tại: TDP Phú V Đ, thị trấn C C, huyện N H) được ký hiệu là "H" trong cuốn sổ có bìa màu cam, thỏa thuận vay 05 lần, cụ thể:

Lần 01: Ngày 04/11/2022, bà H vay số tiền 2.700.000 đồng, số tiền lãi 300.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 17 ngày, như vậy lãi suất vay 238,56%/ năm. Bà H đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 3.000.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 2.700.000 đồng, nợ lãi 300.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 25.151 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 274.849 đồng.

Lần 02: Ngày 07/12/2022, bà H vay số tiền 2.700.000 đồng, số tiền lãi 300.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 28 ngày, như vậy lãi suất vay 144,84%/ năm. Bà H đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 3.000.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 2.700.000 đồng, nợ lãi 300.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 41.425 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 258.575 đồng.

Lần 03: Ngày 23/12/2022, bà H vay số tiền 5.000.000 đồng, số tiền lãi 1.000.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 03 ngày, như vậy lãi suất vay 2433,33%/ năm. Bà H đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 6.000.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 5.000.000 đồng, nợ lãi 1.000.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 8.219 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 991.781 đồng.

Lần 04: Ngày 25/12/2022, bà H vay số tiền 3.000.000 đồng, số tiền lãi 300.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 10 ngày, như vậy lãi suất vay 365%/năm. Bà H đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 3.300.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 3.000.000 đồng, nợ lãi 300.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 16.438 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 283.562 đồng.

Lần 05: Ngày 03/01/2023, bà H vay số tiền 5.000.000 đồng, trả góp 200.000 đồng/ngày trong 30 ngày, như vậy lãi suất vay 243,33%/năm. Đến ngày 03/01/2023 bà H trả được 1 ngày với tổng số tiền 200.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 166.667 đồng, nợ lãi 33.333 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 2.740 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 30.594 đồng. Đến nay số tiền gốc còn lại 4.833.333 đồng bà H đã thanh toán cho Y.

Võ T Y cho bà H vay với tổng số tiền vay 18.400.000 đồng, thu lợi bất chính 1.839.361 đồng.

13. ***Bà Nguyễn Thị T B (Sinh năm 1970, trú tại: TDP Phú V Đ, thị trấn C C, huyện N H) được ký hiệu là "T B" trong cuốn sổ có bìa màu cam, thỏa thuận vay 08 lần, cụ thể:***

Lần 01: Ngày 19/11/2022, bà B vay số tiền 2.700.000 đồng, số tiền lãi 300.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 12 ngày, như vậy lãi suất vay 337,96%/ năm. Bà B đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 3.000.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 2.700.000 đồng, nợ lãi 300.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 17.753 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 282.247 đồng.

Lần 02: Ngày 01/12/2022, bà B vay số tiền 4.050.000 đồng, số tiền lãi 450.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 17 ngày, như vậy lãi suất vay 238,56%/ năm. Bà B đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 4.500.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 4.050.000 đồng, nợ lãi 450.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 37.726 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 412.274 đồng.

Lần 03: Ngày 04/12/2022, bà B vay số tiền 4.050.000 đồng, số tiền lãi 450.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 17 ngày, như vậy lãi suất vay 238,56%/ năm. Bà B đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 4.500.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 4.050.000 đồng, nợ lãi 450.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 37.726 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 412.274 đồng.

Lần 04: Ngày 12/12/2022, bà B vay số tiền 5.400.000 đồng, số tiền lãi 600.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 16 ngày, như vậy lãi suất vay 253,47%/ năm. Bà B đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 6.000.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 5.400.000 đồng, nợ lãi 600.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 47.342 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 552.658 đồng.

Lần 05: Ngày 18/12/2022, bà B vay số tiền 4.050.000 đồng, số tiền lãi 450.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 14 ngày, như vậy lãi suất vay 289,68%/ năm. Bà B đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 4.500.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 4.050.000 đồng, nợ lãi 450.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 31.068 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 418.932 đồng.

Lần 06: Ngày 22/12/2022, bà B vay số tiền 2.700.000 đồng, trả góp 100.000 đồng/ngày trong 30 ngày, như vậy lãi suất vay 135,19%/năm. Đến ngày 03/01/2023 bà B trả được 13 ngày với tổng số tiền 1.300.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 1.170.000 đồng, nợ lãi 130.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 19.233 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 110.767 đồng. Đến nay số tiền gốc còn lại 1.530.000 đồng bà B đã thanh toán cho Y.

Lần 07: Ngày 28/12/2022, bà B vay số tiền 5.400.000 đồng, trả góp 200.000 đồng/ngày trong 30 ngày, như vậy lãi suất vay 135,19%/năm. Đến ngày 03/01/2023 bà B trả được 7 ngày với tổng số tiền 1.400.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 1.260.000 đồng, nợ lãi 140.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 20.712 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 119.288 đồng. Đến nay số tiền gốc còn lại 4.140.000 đồng bà B đã thanh toán cho Y.

Lần 08: Ngày 01/01/2023, bà B vay số tiền 4.050.000 đồng, trả góp 150.000 đồng/ngày trong 30 ngày, như vậy lãi suất vay 135,19%/năm. Đến ngày 03/01/2023 bà B trả được 03 ngày với tổng số tiền 450.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 405.000 đồng, nợ lãi 45.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 6.658 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 38.342 đồng. Đến nay số tiền gốc còn lại 3.645.000 đồng bà B đã thanh toán cho Y.

Võ T Y cho bà B vay với tổng số tiền vay 32.400.000 đồng, thu lợi bất chính 2.346.781 đồng.

14. Bà Lê Thị Minh H (Sinh năm 1979, trú tại: Thôn X V, xã H Đ, huyện N H) được ký hiệu là "TH Phươngước" thỏa thuận vay 08 lần, cụ thể:

Lần 01: Ngày 29/9/2022, bà H vay số tiền 2.500.000 đồng, số tiền lãi 500.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 21 ngày, như vậy lãi suất vay 347,62%/ năm. Bà H đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 3.000.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 2.500.000 đồng, nợ lãi 500.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 28.767 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 471.233 đồng.

Lần 02: Ngày 07/10/2022, bà H vay số tiền 1.250.000 đồng, số tiền lãi 250.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 19 ngày, như vậy lãi suất vay 384,21%/ năm. Bà H đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 1.500.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 1.250.000

đồng, nợ lãi 250.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 13.014 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 236.986 đồng.

Lần 03: Ngày 19/10/2022, bà H vay số tiền 1.250.000 đồng, số tiền lãi 250.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 17 ngày, như vậy lãi suất vay 429,41%/ năm. Bà H đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 1.500.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 1.250.000 đồng, nợ lãi 250.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 11.644 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 238.356 đồng.

Lần 04: Ngày 24/10/2022, bà H vay số tiền 2.500.000 đồng, số tiền lãi 500.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 12 ngày, như vậy lãi suất vay 608,33%/ năm. Bà H đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 3.000.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 2.500.000 đồng, nợ lãi 500.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 16.438 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 483.562 đồng.

Lần 05: Ngày 27/10/2022, bà H vay số tiền 1.250.000 đồng, số tiền lãi 250.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 9 ngày, như vậy lãi suất vay 811,11%/ năm. Bà H đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 1.500.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 1.250.000 đồng, nợ lãi 250.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 6.164 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 243.836 đồng.

Lần 06: Ngày 06/11/2022, bà H vay số tiền 5.000.000 đồng, số tiền lãi 1.000.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 24 ngày, như vậy lãi suất vay 304,12%/ năm. Bà H đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 6.000.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 5.000.000 đồng, nợ lãi 1.000.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 65.753 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 934.247 đồng.

Lần 07: Ngày 01/12/2022, bà H vay số tiền 5.000.000 đồng, số tiền lãi 1.000.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong 29 ngày, như vậy lãi suất vay 251,72%/ năm. Bà H đã trả xong khoản vay này với tổng số tiền đã trả là 6.000.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 5.000.000 đồng, nợ lãi 1.000.000 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 79.452 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 920.548 đồng.

Lần 08: Ngày 30/12/2022, bà H vay số tiền 5.000.000 đồng, trả góp 200.000 đồng/ngày trong 30 ngày, như vậy lãi suất vay là 243,33%/năm. Đến ngày 03/01/2023 bà H trả được 4 ngày với tổng số tiền 800.000 đồng, trong đó có nợ gốc là 666.667 đồng, nợ lãi 133.333 đồng. Trong số nợ lãi, nợ lãi 20%/năm là 10.959 đồng, nợ lãi vay vượt lãi suất 20%/năm là 122.374 đồng. Đến nay số tiền gốc còn lại 4.333.333 đồng bà H đã thanh toán cho Y.

Võ T Y cho bà H vay với tổng số tiền vay 23.750.000 đồng, thu lợi bất chính 3.651.142 đồng.

- Về vật chứng thu giữ:

01 (một) cuốn sổ có bìa màu cam ghi dòng chữ "TỔ NGHIỆP PHÙ HỘ" bên trong có nhiều trang giấy ghi nhiều chữ số, chữ viết, có chữ ký xác nhận của Võ Thị Y.

- 01 (một) cuốn vở học sinh bìa vở có chữ "MĂNG NON" bên trong có nhiều trang giấy ghi nhiều chữ số, chữ viết, có chữ ký xác nhận của Võ Thị Y.

Bà Nguyễn Thị X (sinh ngày: 19/9/1969, trú tại: TDP Phú V T, thị trấn C C, huyện N H) giao nộp 01 (một) tờ giấy vở bên trong có nhiều chữ viết, chữ số.

-Tại Kết luận giám định số 100/KL-KTHS ngày 08/02/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi kết luận: Các chữ số, chữ viết thể hiện trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1-1 đến A3) (trừ chữ viết "*Người mượn tiền*", chữ ký đề tên Nguyễn Thị C trên tài liệu A1-31; và chữ ký đề tên Nguyễn Thị M trên tài liệu A2-19) với chữ số, chữ viết của bà Võ T Y thể hiện trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M6) là do cùng một người viết ra. (Bút lục số 23).

- Đối với những người có tên trong danh sách vay: (1) Nguyễn Thị M (ký hiệu trong sổ: M cà phê, ở Thôn Hiệp P T, xã HT, huyện N H), qua xác minh tại địa phương thì M hiện nay không có mặt tại nơi cư trú và không xác định được hiện nay đang ở đâu; (2) D C, (3) Tết B, (4) H Niệm, (5) Q, (6) V, (7) H M, (8) N karaoke, (9) VB, Cơ quan CSĐT Công an huyện đã Tiến hành xác minh tại địa phương tuy nhiên với thông tin Y đã cung cấp không đủ cơ sở để xác định thông tin cư trú của nhưng người vay trên. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra không thể triệu tập làm việc được. Vì không xác định được số tiền cho vay, lãi suất, thời hạn vay của những người này nên chưa đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Võ T Y về những lần cho vay này.

- Đối với Nguyễn Tấn H: H sống chung như vợ cH với Y từ năm 2014, không có đăng ký kết hôn, H có biết việc Y cho vay tiền để thu lãi nhưng không biết mức lãi suất cho vay cụ thể như thế nào và không tham gia vào việc cho vay lãi nặng trong trong dịch dân sự cùng với Y, vì vậy H không đồng phạm với Y về hành vi phạm tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

- Đối với bà Nguyễn Thị X và Lê T B cho rằng ông Nguyễn Tấn H có hành vi đe dọa dùng V lực, dùng V lực đối với bà X và B để yêu cầu bà X và B trả số tiền đã vay. Cơ quan CSĐT đã Tiến hành làm việc với ông H, ông H xác định không có việc ông H đe dọa dùng V lực, dùng V lực để yêu cầu bà X, B trả số tiền đã vay, ngoài lời khai của bà X và bà B không có tài liệu khác nào chứng minh việc trên, ngoài ra việc bà X, bà B trả khoản tiền đã vay là hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy, hành vi của ông H không có dấu hiệu của tội cưỡng đoạt tài sản.

- Đối với trường hợp bà Nguyễn Thị X vay tiền của Võ Thị Y, kết quả điều tra xác định số tiền bà X vay nợ của Y tính đến tháng 02/2021 61.765.000 đồng. Theo lời khai của bà X từ năm 2019 đến nay mỗi ngày bà X đều trả lãi cho Y 50.000 đồng/ 1 ngày, tuy nhiên Y không thừa nhận và thực tế sổ ghi chép của Y không có nội dung ghi việc bà X trả lãi cho Y. Bà X và Y đều thống nhất cách 10 ngày trước khi Y bị cơ quan chức năng phát hiện cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự thì bà X có trả số tiền gốc 100.000 đồng/1 ngày cho Y. Do đó không có cơ sở làm rõ số tiền Y đã thu lãi bất chính đối với khoản vay của bà X.

- Quá trình điều tra Y khai báo trong quá trình Y cho những người có tên trên vay tiền để lấy lãi thì Y có cho lại người vay một ít tiền lãi, Tuy nhiên Y và những người vay tiền của Y đều không nhớ cụ thể số tiền Bao nhiêu, thời gian vay, không thể hiện trong sổ ghi chép của Y và cũng không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc Y cho tiền lãi đối với người vay.

Ngoài ra Cơ quan CSĐT Công an huyện N H còn phát hiện một số giao dịch cho vay khác nhưng các lần giao dịch này không xác định được số tiền đã trả, thời gian trả tiền lãi nên không có sở để tính toán số tiền lãi và tiền thu lợi bất chính; một số trường hợp cho vay nhưng người vay xác định cho vay nhưng không lấy tiền lãi vì vậy không có cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Võ T Y về những lần cho vay này.

Như vậy, lời khai của Võ T Y phù hợp với lời khai của 14 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Xác định được: Mặc dù không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép hoặc nhận được ủy quyền của tổ chức có giấy phép hoạt động trong lĩnh vực tín dụng, nhưng trong khoảng thời gian từ tháng 6/2022 đến ngày 03/01/2023, Võ T Y đã cho 14 người vay với lãi suất vay từ 104,29%/năm đến 3650%/năm. Lãi suất cho vay gấp từ 5,21 đến 182,5 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự (20%/ năm) cho 14 người với tổng số tiền cho vay là **629.500.000 đồng** (sáu trăm hai mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng), thu lợi bất chính **97.379.910 đồng** (Chín mươi bảy triệu Ba năm bảy mươi chín nghìn chín trăm mười đồng).

Giữa các bị cáo và những người có quyền lợi và nghĩa vụ Liên quan tự nguyện thỏa thuận về số tiền cho vay, lãi suất và thời hạn vay, không có tranh chấp về lãi suất vay và đồng thời không có trường hợp nợ quá hạn.

Tại bản cáo trạng số 25/CT-VKS-NH ngày 05/10/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi đã truy tố bị cáo Võ T Y về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hiện quyền công tố đề nghị Hội đồng xét xử Tên bố: bị cáo Võ T Y phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 32; Điều 35 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Y từ 140.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng. Và đề nghị áp dụng các biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng theo quy định. Về án phí: Bị cáo Võ T Y phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Y xin Hội đồng xét xét giảm nhẹ mức phạt tiền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

-Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N H, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện N H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố; đã thực hiện đúng về Thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan Tiến hành tố tụng, người Tiến hành tố tụng.

-Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai và đã có lời khai trong quá trình điều tra. Việc vắng mặt của những người này không trở ngại cho việc giải quyết vụ án. Do đó căn cứ vào Điều 292 của bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử Tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Võ T Y khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N H đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Võ T Y là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; có đủ khả năng hiểu biết và điều khiển hành vi của mình. Nhưng với mục đích hám lợi cá nhân, nên trong khoảng thời gian từ tháng 6/2022 đến ngày 03/01/2023 bị cáo đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Bị cáo lợi dụng nhu cầu cần vay tiền nên đã cho 14 người trên địa bàn huyện N H vay 100 lượt. Tổng số tiền cho vay là **629.500.000 đồng** (sáu trăm hai mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng) với mức lãi suất từ hành vi cho vay tại thị trấn C C với mức lãi suất vay từ 104,29%/năm đến 3650%/năm vượt quá mức lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự quy định từ 5,21 đến 182,5 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự (20%/ năm). Thu lợi bất chính **97.379.910 đồng** (Chín mươi bảy triệu Ba năm bảy mươi chín nghìn chín trăm mười đồng). Hành vi của bị cáo Võ T Y đủ yếu tố cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Y không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai báo thành khẩn ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên cần áp dụng Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự khi xét xử đối

với các bị cáo. Trong thời gian Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo Y có nộp số tiền 5.000.000 đồng khắc phục và nộp biên lai thu tiền số 0001216 ngày 25/12/2023 cho Hội đồng xét xử. Nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 cho bị cáo.

[5] Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng Điều 35 Bộ luật hình sự xử phạt tiền đối với bị cáo cũng đủ tác dụng răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về các biện pháp tư pháp:

[7.1] Đối với số tiền gốc mà bị cáo Võ T Y đã cho vay **621.500.000 đồng** (sáu trăm hai mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng). Đây là tiền dùng vào việc phạm tội nên buộc bị cáo Võ T Y phải nộp sung ngân sách nhà nước.

[7.2] Đối với số tiền **5.810.411 đồng** là tiền lãi bị cáo thu phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự. Đây là tiền do phạm tội mà có nên buộc bị cáo Võ T Y phải nộp sung ngân sách nhà nước.

[7.3] Đối với số tiền gốc 8.000.000 đồng mà người vay là bà Lê T B chưa trả đủ cho bị cáo Võ Thị Y. Đây là tiền bị cáo dùng vào việc phạm tội nên buộc người vay Lê T B phải nộp lại 8.000.000 đồng để sung ngân sách nhà nước.

[7.4] Đối với số tiền lãi suất vượt quá quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự là **97.379.910 đồng** (Chín mươi bảy triệu Ba năm bảy mươi chín nghìn chín trăm mười đồng)

Quá trình làm việc bà Lê T B yêu cầu Võ T Y phải hoàn trả số tiền thu lợi bất chính là 18.890.411 đồng. Nên buộc Võ T Y phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà Lê T B số tiền 18.890.411 đồng.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ Liên quan : Lê Thị K T, Nguyễn Thị K C, Nguyễn Thị M, Trần Quang D, Ngô Thị H H, Phạm Thị B, Tăng H N, Lê Thị L, Huỳnh Thị K L, Nguyễn Thị L, Trần Thị Mỹ H, Nguyễn Thị T B, Lê Thị Minh H không yêu cầu nhận lại số tiền thu lợi bất chính.

Theo quy định của pháp luật số tiền thu lợi bất chính mà người phạm tội thực tế đã thu phải trả lại cho người vay tiền. Tuy nhiên ngoài bà Lê T B có yêu cầu nhận lại còn những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khác quá trình làm việc đã có văn bản từ chối không nhận lại nên cần buộc Võ T Y phải nộp ngân sách nhà nước số tiền thu lợi bất chính là 78.489.499 đồng (Bảy mươi tám triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn bốn trăm chín chín đồng).

[7] Về xử lý vật chứng:

01 (một) cuốn sổ có bìa màu cam ghi dòng chữ "TỔ NGHIỆP PHÙ HỘ" bên trong có nhiều trang giấy ghi nhiều chữ số, chữ viết, có chữ ký xác nhận của Võ Thị Y.

- 01 (một) cuốn vở học sinh bìa vở có chữ "MĂNG NON" bên trong có nhiều trang giấy ghi nhiều chữ số, chữ viết, có chữ ký xác nhận của Võ Thị Y.

-01 (một) tờ giấy vở bên trong có nhiều chữ viết, chữ số do bà Nguyễn Thị X (sinh ngày: 19/9/1969, trú tại: TDP Phường V T, thị trấn C C, huyện N H) giao nộp.

Đây là tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ án nên được lưu giữ tại hồ sơ.

[8] - Đối với những người có tên trong danh sách vay: (1) Nguyễn Thị M (ký hiệu trong sổ: M cà phê, ở Thôn Hiệp P T, xã HT, huyện N H), qua xác minh tại địa phương thì M hiện nay không có mặt tại nơi cư trú và không xác định được hiện nay đang ở đâu; (2) D C, (3) Tết B, (4) H Niệm, (5) Q, (6) V, (7) H M, (8) N karaoke, (9) VB, Cơ quan CSĐT Công an huyện đã tiến hành xác minh tại địa phương tuy nhiên với thông tin Y đã cung cấp không đủ cơ sở để xác định thông tin cư trú của nhưng người vay trên. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra không thể triệu tập làm việc được. Vì không xác định được số tiền cho vay, lãi suất, thời hạn vay của những người này nên chưa đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Võ T Y về những lần cho vay này.

- Đối với ông Nguyễn Tấn H: H sống chung như vợ chồng với Y từ năm 2014, không có đăng ký kết hôn, H có biết việc Y cho vay tiền để thu lãi nhưng không biết mức lãi suất cho vay cụ thể như thế nào và không tham gia vào việc cho vay lãi nặng trong trong dịch dân sự cùng với Y, vì vậy H không đồng phạm với Y về hành vi phạm tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

- Đối với bà Nguyễn Thị X và Lê T B cho rằng ông Nguyễn Tấn H có hành vi đe dọa dùng V lực, dùng V lực đối với bà X và B để yêu cầu bà X và B trả số tiền đã vay. Cơ quan CSĐT đã tiến hành làm việc với ông H, ông H xác định không có việc ông H đe dọa dùng V lực, dùng V lực để yêu cầu bà X, B trả số tiền đã vay, ngoài lời khai của bà X và bà B không có tài liệu khác nào chứng minh việc trên, ngoài ra việc bà X, bà B trả khoản tiền đã vay là hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy, hành vi của ông H không có dấu hiệu của tội cưỡng đoạt tài sản.

- Đối với trường hợp bà Nguyễn Thị X vay tiền của Võ Thị Y, kết quả điều tra xác định số tiền bà X vay nợ của Y tính đến tháng 02/2021 61.765.000 đồng. Theo lời khai của bà X từ năm 2019 đến nay mỗi ngày bà X đều trả lãi cho Y 50.000 đồng/ 1 ngày, Tuy nhiên Y không thừa nhận và thực tế sổ ghi chép của Y không có nội dung ghi việc bà X trả lãi cho Y. Bà X và Y đều thống nhất cách 10 ngày trước khi Y bị cơ quan chức năng phát hiện cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự thì bà X có trả số tiền gốc 100.000 đồng/1 ngày cho Y. Do đó không có cơ sở làm rõ số tiền Y đã thu lãi bất chính đối với khoản vay của bà X.

- Quá trình điều tra Y khai báo trong quá trình Y cho những người có tên trên vay tiền để lấy lãi thì Y có cho lại người vay một ít tiền lãi, Tuy nhiên Y và những người vay

tiền của Y đều không nhớ cụ thể số tiền bao nhiêu, thời gian vay, không thể hiện trong sổ ghi chép của Y và cũng không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc Y cho tiền lãi đối với người vay.

[9] Đối với đề nghị đại diện Viện kiểm sát về hình phạt, biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng là phù hợp với nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với mức hình phạt theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phạt Võ T Y mức từ 140.000.000 đến 150.000.000 đồng là phù hợp. Tuy nhiên trong thời gian nghị án bị cáo Võ T Y đã nộp khắc phục số tiền 5.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 5, xử phạt bị cáo Võ T Y 120.000.000 đồng là phù hợp, đảm bảo tính khoan hồng của pháp luật.

[11] Về án phí: bị cáo Võ T Y phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 46, Điều 47, Điều 50; Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn Thường vụ Q hội, Tên xử:

1- Tên bố bị cáo **Võ T Y**(tên gọi khác: không) phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

2- Xử phạt bị cáo **Võ T Y**(tên gọi khác: không) 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng)

3- Về vật chứng:

Đối với 01 (một) cuốn sổ có bìa màu cam ghi dòng chữ "TỔ NGHIỆP PHÙ HỘ" bên trong có nhiều trang giấy ghi nhiều chữ số, chữ viết, có chữ ký xác nhận của Võ Thị Y. 01 (một) cuốn vở học sinh bìa vở có chữ "MĂNG NON" bên trong có nhiều trang giấy ghi nhiều chữ số, chữ viết, có chữ ký xác nhận của Võ T Y (thu được của Võ Thị Y) và 01 (một) tờ giấy vở bên trong có nhiều chữ viết, chữ số do bà Nguyễn Thị X giao nộp Là tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ án nên được lưu giữ tại hồ sơ.

4- Về biện pháp tư pháp:

[4.1] Đối với số tiền gốc mà bị cáo Võ T Y đã cho vay **621.500.000 đồng** (sáu trăm hai mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng). Đây là tiền dùng vào việc phạm tội nên buộc bị cáo Võ T Y phải nộp sung ngân sách nhà nước.

[4.2] Đối với số tiền **5.810.411 đồng** là tiền lãi bị cáo thu phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự. Đây là tiền do phạm tội mà có nên buộc bị cáo Võ T Y phải nộp sung ngân sách nhà nước.

[4.3] Đối với số tiền gốc 8.000.000 đồng mà người vay là bà Lê T B chưa trả đủ cho bị cáo Võ Thị Y.

Buộc bà Lê T B phải nộp lại 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) để sung ngân sách nhà nước.

[4.4] Đối với số tiền lãi suất vượt quá quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự là **97.379.910 đồng** (Chín mươi bảy triệu Ba năm bảy mươi chín nghìn chín trăm mười đồng)

Buộc Võ T Y phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà Lê T B số tiền 18.890.411 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án người người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khác không có yêu cầu nhận lại nên **buộc Võ T Y** phải nộp ngân sách nhà nước số tiền 78.489.499đ (Bảy mươi tám triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn bốn trăm chín chín đồng).

5- Về án phí hình sự sơ thẩm buộc bị cáo Võ T Y phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện;
- Công an huyện N H;
- Chi cục THADS huyện;
- Sở tư pháp;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phươngán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Diếu